

政府

越南社会主义共和国

独立 - 自由 - 幸福

编号：371/2026/ND-CP

河内市，2026 年 9 月 25 日

议定

详细规定外国组织、个人在越南招聘及管理越南籍劳工之事项

依据第 63/2025/QH15 号《政府组织法》；

依据第 72/2025/QH15 号《地方政府组织法》；

依据第 45/2019/QH14 号《劳动法典》；

依外交部长之提议；

政府颁布详细规定外国组织、个人在越南招聘及管理越南籍劳工事项之议定。

第一章 总则

第 1 条 调整范围

本议定依第 45/2019/QH14 号《劳动法典》第 150 条第 3 款，规定外国组织、个人在越南招聘及管理越南籍劳工之事项。

第 2 条 适用对象

1. 为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工。
2. 在越南之外国组织。
3. 在越南之外国个人。
4. 有权管理为本议定第 3 条第 2 款、第 3 款所定外国组织、个人工作的越南籍劳工之机关、组织。
5. 向本议定第 3 条第 2 款、第 3 款所定在越南之外国组织、个人提供劳务派遣的企业。

第 3 条 词语释义

在本议定中，下列词语理解如下：

1. 为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工，系指为本条第 2 款、第 3 款所定外国组织、个人工作的越南公民。
2. 在越南之外国组织，系指经越南有权机关许可在越南领土内活动的外国机关、组织，包括：



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

- a) 外国外交代表机构、外国领事机构，联合国系统所属国际组织代表机构、政府间国际组织，区域、次区域组织；
 - b) 外国政府所属组织的代表处；
 - c) 外国通讯社、新闻报刊、广播及电视机构的常驻代表处；
 - d) 经越南有权机关依越南法律规定核发登记证书的外国非政府组织。
3. 在越南之外国个人，系指在本条第 2 款所定组织中工作，并有雇用越南籍劳工行为的外国人。

第 4 条 一般原则

- 1. 确保遵守越南劳动法律及其他相关法律规定。
- 2. 保护为本议定第 3 条第 2 款、第 3 款所定在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工之合法权益。
- 3. 为外国组织、个人在越南有效开展活动创造便利条件。

第 5 条 对为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工之管理权限

有权管理为本议定第 3 条第 2 款、第 3 款所定在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工之机关、组织，系指经外交部依法律规定进行分级、授权、交办任务、采购订制或招标，以实施越南籍劳工管理的机关、组织。

第二章 为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理

第 6 条 招聘为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工

- 1. 当有招聘越南籍劳工之需求时，外国组织、个人须以书面形式直接、透过邮政服务或在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址进行通知，其中明确载明工作职位、所需招聘人数。同时，外国组织、个人必须在国家就业交易平台（网址：<https://www.vieclam.gov.vn>）或其他合法就业入口网站或该组织的官方网站上公开发布招聘越南籍劳工之信息。
- 2. 外国组织、个人可直接招聘越南籍劳工，或请求本议定第 5 条所规定的管理机关、组织协助招聘越南籍劳工。
- 3. 当收到外国组织、个人的请求时，本议定第 5 条所规定的管理机关、组织根据所提供的工作职责说明进行甄选、推荐候选人。

第 7 条 对为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之管理

- 1. 自与越南籍劳工签订劳动合约之日起 10 个工作日内，外国组织、个人须以书面形式直接、透过邮政服务或在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址进



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

行通知，其中载明被录用之越南籍劳工的姓名、个人身分标识符、工作职位及开始工作时间。

2. 自与外国组织、个人签订劳动合同之日起 10 个工作日内，越南籍劳工有责任直接、透过邮政服务或在在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址，提交本议定第 8 条第 1 款、第 2 款所规定的劳工管理档案。
3. 自完整接收外国组织、个人的通知及越南籍劳工管理档案之日起 10 个工作日内，本议定第 5 条所规定的管理机关、组织以直接或线上书面形式向外国组织、个人发送关于接收管理越南籍劳工的通知。
4. 自与越南籍劳工终止劳动合同之日起 10 个工作日内，外国组织、个人须以书面形式直接、透过邮政服务或在在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址进行通知，其中载明终止理由。
5. 自收到外国组织、个人终止与越南籍劳工之劳动合同的通知之日起 03 个工作日内，本议定第 5 条所规定的管理机关、组织：
 - a) 以直接或在线方式发送关于终止管理为外国组织、个人工作的越南籍劳工之确认函；
 - b) 依法律规定将越南籍劳工管理档案退还给越南籍劳工。

第 8 条 为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之管理档案

1. 依本议定所附附录第 01 号表格式样填写的越南籍劳工个人信息表。
2. 越南籍劳工与外国组织、个人签订的劳动合同副本。
3. 依本议定所附附录第 02 号表格式样核发的为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工完成国家政策、法律宣传普及课程证明书。

第 9 条 为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之管理机关、组织的责任

1. 接收外国组织、个人提出协助招聘越南籍劳工的请求；根据外国组织、个人的招聘要求接收越南籍劳工的应聘档案；为外国组织、个人甄选、推荐越南籍劳工。
2. 接收越南籍劳工管理档案，并对为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工实施管理。
3. 依法律规定以实体或在线形式，为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工组织国家政策、法律宣传普及课程；核发完成国家政策、法律宣传普及课程证明书，并将信息补充至越南籍劳工管理档案中。
4. 参与协助保护为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之合法权益。
5. 为在越南的外国组织、个人提供关于雇用越南籍劳工的咨询协助。



6. 依据本议定第 8 条所规定的劳工管理档案，协助核实越南籍劳工在为在越南之外国组织、个人工作期间的人事信息。
7. 于每年 12 月 20 日前，依本议定所附附录第 03 号表格式样，定期向外交部报告为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理情况。
8. 执行法律规定的其他任务。

第 10 条 在越南的外国组织、个人在招聘、雇用越南籍劳工时的责任

1. 遵守本议定之规定、劳动法律及其他相关法律规范性文件。
2. 正确履行与越南籍劳工签订的劳动合约。
3. 为越南籍劳工创造条件以：
 - a) 齐备劳工管理档案，并依本议定第 7 条、第 8 条之规定在管理机关、组织履行劳工管理规定；
 - b) 在为外国组织、个人工作期间，参加由本议定第 5 条所规定的管理机关、组织所举办的国家政策、法律宣传普及课程。
4. 自开始使用劳务派遣企业服务之日起 07 个工作日内，依本议定所附附录第 04 号表格式样，以书面形式直接、透过邮政服务或在在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址，通知关于使用劳务派遣服务事宜。
5. 于每年 12 月 15 日前，依本议定所附附录第 05 号表格式样，定期以直接、透过邮政服务或在在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址，发送越南籍劳工招聘及雇用情况信息表。

第 11 条 越南籍劳工为在越南的外国组织、个人工作时的权利、义务及责任

1. 有权依法律规定参加政治组织、政治社会组织。
2. 有权请求本议定第 5 条所规定的管理机关、组织在为外国组织、个人工作期间，协助咨询以保护自身合法权益。
3. 有权请求本议定第 5 条所规定的管理机关、组织依据本议定第 8 条所规定的劳工管理档案，协助核实人事信息。
4. 遵守越南关于劳动、维护国家安全、社会秩序与安全之法律及其他相关法律规定。
5. 有责任自与在越南的外国组织、个人签订劳动合约之日起 06 个月内，完成国家政策、法律宣传普及课程。
6. 正确履行与在越南的外国组织、个人签订的劳动合约。



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

7. 正确履行本议定第 7 条、第 8 条关于为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之劳工管理及劳工管理档案之规定。
8. 当个人信息有任何变更或当管理机关、组织提出要求时，更新劳工管理档案并以直接、透过邮政服务或在在线透过管理机关、组织之官方电子邮件地址发送至本议定第 5 条所规定的管理机关、组织。

第 12 条 向在越南的外国组织、个人派遣劳工之劳务派遣企业的责任

1. 于每年 12 月 15 日前，依本议定所附附录第 06 号表格式样，以直接、透过邮政服务或在在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址，定期发送为在越南的外国组织、个人派遣越南籍劳工的情况报告。
2. 自向在越南的外国组织、个人派遣越南籍劳工之日起 10 个工作日内，依本议定所附附录第 07 号表格式样，以直接、透过邮政服务或在在线透过本议定第 5 条所规定的管理机关、组织之官方电子邮件地址，发送被在越南的外国组织、个人承租的越南籍劳工名单。

第三章 施行条款

第 13 条 施行效力

1. 本议定自 2026 年 11 月 15 日起施行。
2. 政府 2020 年 12 月 30 日关于在越南工作的外国籍劳工以及为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理规定的第 152/2020/NĐ-CP 号议定中，经政府 2023 年 9 月 18 日第 70/2023/NĐ-CP 号议定修改、补充的关于为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理内容，自本议定生效之日起失效。

第 14 条 过渡条款

在经济、商业、金融、银行、保险、科学技术、文化、教育、医疗、外国法律咨询领域开展活动的外国组织在越南代表处所雇用的越南籍劳工之招聘及管理，依照《劳动法典》及其他相关法律规定执行。

第 15 条 执行责任

1. 外交部的责任
 - a) 协助政府自中央至地方对为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理履行国家管理职能；
 - b) 综整实施过程中的困难与阻碍，并向有权主管机关提出建议与报告；
 - c) 外交部长详细规定为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工举办的国家政策、法律宣传普及课程之内容、时间及形式；



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

d) 检查本议定各项规定的执行情况。

2. 内务部的责任

a) 应要求配合就为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工情况进行报告；

b) 指导执行关于政策、就业、劳动、工资及与为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工相关之其他内容的法律规定。

3. 国防部的责任

配合外交部及本议定第 5 条所规定的管理机关、组织，执行关于在边境地区、口岸、海岛、战略与重点区域及国防要冲地区维护安全、秩序与社会安全的法律规定。

4. 公安部的责任

a) 配合外交部、本议定第 5 条所规定的管理机关与组织、雇用越南籍劳工的外国组织与个人，以及向在越南的外国组织、个人派遣越南籍劳工的劳务派遣企业，执行关于维护安全、秩序与社会安全的法律规定；

b) 配合对为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理相关规定的执行情况进行监察、检查，以防范利用劳动关系实施侵害国家利益、国家安全的行为或超出许可范围开展活动。

5. 省及中央直辖市人民委员会的责任

配合外交部及有权机关开展地方上为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理工作。

6. 各部部长、部级机关首长、各省及直辖市人民委员会主席以及相关机关、组织、个人负责执行本议定。

收件处：

- 党中央书记处；
- 政府总理、各位政府副总理；
- 各部、部级机关；
- 各省、市人民议会、人民委员会；
- 中央办公厅及党中央各部委；
- 总书记办公室；
- 国家主席办公厅；
- 国会民族委员会及国会各委员会；
- 国会办公厅；
- 最高人民法院；
- 最高人民检察院；

代表政府

代行总理职权

副总理



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

- 国家审计署；
- 越南祖国阵线中央委员会；
- 各政治社会组织之中央机关；
- 政府办公厅：部长兼办公厅主任、各位副主任、总理助理，各司、局、公报；
- 存档：文书、科教文社处(2)。

范氏青茶

附录

用于为在越南之外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理工作中的文书表格式样

(随政府 2026 年 9 月 25 日第 371/2026/ND-CP 号议定附发)

表格式样第 01 号	越南籍劳工个人信息表
表格式样第 02 号	为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工完成国家政策、法律宣传普及课程证明书
表格式样第 03 号	为在越南的外国组织、个人工作的越南籍劳工之招聘及管理情况报告
表格式样第 04 号	使用劳务派遣企业服务情况信息表
表格式样第 05 号	越南籍劳工招聘及雇用情况信息表
表格式样第 06 号	为在越南的外国组织、个人派遣越南籍劳工情况报告
表格式样第 07 号	被在越南的外国组织、个人承租的越南籍劳工名单

~ 恒利翻译，仅供参考 ~



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
 热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
- Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là công dân Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.
2. Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan, tổ chức nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, gồm:
 - a) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế liên Chính phủ, các tổ chức khu vực, tiểu khu vực;
 - b) Văn phòng đại diện tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài;
 - c) Văn phòng thường trú cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình nước ngoài;
 - d) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là người nước ngoài làm việc tại các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này có hoạt động sử dụng người lao động Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động và pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.
2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
3. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

Điều 5. Thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này là các cơ quan, tổ chức được Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện quản lý người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chương II

TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 6. Tuyển dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nêu rõ vị trí việc làm, số lượng cần tuyển dụng. Đồng thời, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện đăng tải

công khai thông tin tuyển dụng người lao động Việt Nam trên Sàn giao dịch việc làm quốc gia (địa chỉ: <https://www.vieclam.gov.vn>) hoặc công thông tin việc làm hợp pháp khác hoặc trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tuyển dụng người lao động Việt Nam hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam.

3. Khi có đề nghị từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện việc tuyển chọn, giới thiệu ứng viên theo mô tả công việc đã được cung cấp.

Điều 7. Quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân, vị trí việc làm và thời điểm bắt đầu làm việc của người lao động Việt Nam được tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người lao động Việt Nam có trách nhiệm nộp hồ sơ quản lý người lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ thông báo của tổ chức, cá nhân nước ngoài và hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này gửi thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận quản lý người lao động Việt Nam.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nêu lý do chấm dứt.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này:

a) Gửi văn bản xác nhận trực tiếp hoặc trực tuyến về việc chấm dứt quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Hoàn trả hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam cho người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Phiếu thông tin cá nhân của người lao động Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Bản sao hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
3. Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Tiếp nhận đề nghị hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển của người lao động Việt Nam theo yêu cầu tuyển dụng của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tuyển chọn, giới thiệu người lao động Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.
2. Tiếp nhận hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam và thực hiện quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3. Tổ chức chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước và bổ sung thông tin vào hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam.
4. Tham gia hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
5. Hỗ trợ tư vấn cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam về việc sử dụng người lao động Việt Nam.
6. Hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự của người lao động Việt Nam trong thời gian làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở hồ sơ quản lý người lao động quy định tại Điều 8 Nghị định này.
7. Định kỳ báo cáo Bộ Ngoại giao trước ngày 20 tháng 12 hằng năm về tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam

1. Tuân thủ quy định tại Nghị định này, pháp luật về lao động và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động Việt Nam.

3. Tạo điều kiện để người lao động Việt Nam:

a) Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ quản lý người lao động và thực hiện quy định về quản lý người lao động tại cơ quan, tổ chức quản lý theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này;

b) Tham gia chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước do cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này tổ chức trong quá trình người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này về việc sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Được tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự trên cơ sở hồ sơ quản lý người lao động quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Tuân thủ pháp luật của Việt Nam về lao động, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Có trách nhiệm hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vòng 06 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

7. Thực hiện đúng quy định về quản lý người lao động và hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

8. Cập nhật hồ sơ quản lý người lao động và gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý khi có bất kỳ thay đổi nào về thông tin cá nhân hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo tình hình cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, gửi danh sách người lao động Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuê lại bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.
2. Nội dung về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực: kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật nước ngoài được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao
 - a) Giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam từ trung ương đến địa phương;

- b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền;
- c) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết về nội dung, thời gian, hình thức của chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

- a) Phối hợp báo cáo về người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi có yêu cầu;
- b) Hướng dẫn việc thực hiện quy định của pháp luật về chính sách, việc làm, lao động, tiền lương và các nội dung khác có liên quan đến người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng.

4. Trách nhiệm của Bộ Công an

- a) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động Việt Nam và doanh nghiệp cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan đến tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam nhằm phòng ngừa việc lợi dụng quan hệ lao động để thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích, an ninh quốc gia hoặc hoạt động ngoài phạm vi được cấp phép.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam ở địa phương.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

Phạm Thị Thanh Trà

PHỤ LỤC

MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị định số 371/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu thông tin cá nhân của người lao động Việt Nam
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Phiếu thông tin tình hình sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
Mẫu số 05	Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 07	Danh sách người lao động Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuê lại

Tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam:

Tổ chức sử dụng người lao động Việt Nam:

Mã số hồ sơ cá nhân:

Ảnh màu (4 x 6 cm)	PHIẾU THÔNG TIN CÁ NHÂN
	1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
	2) Các tên gọi khác:
	3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính:.....
	4) Nơi sinh:
	5) Quê quán: (xã, phường, đặc khu)
	(tỉnh, thành phố):

6) Dân tộc:

7) Tôn giáo:

8) Số định danh cá nhân.....

9) SĐT liên hệ:
Email:

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu:

10) Mã số BHXH (nếu có):

11) Nơi ở hiện nay:

12) Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:

13) Tổ chức tuyển dụng:

14) Chức vụ hiện

tại:

15) Công việc chính được

giao:

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/.../..... Ngày chính thức:....../.../.....

17) Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):

18) Trình độ chuyên môn cao nhất:

19) Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc:

20) QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng, trình độ
Từ	Đến				

21) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC

Tháng/năm		Tên tổ chức tuyển dụng	Chức danh/ Chức vụ
Từ	Đến		

22) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

22.1 - Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? (nếu có)

.....

.....

22.2- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội... ở nước ngoài

Tháng/năm		Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở, công việc đã làm
Từ	Đến	

23) KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

23.1- Khen

thưởng:

23.2- Kỷ

luật:

24) QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ/chồng, các con, anh chị em ruột)

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội (trong, ngoài nước); tiền án, tiền sự (nếu có)

Tôi xin cam đoan nội dung tôi khai ở trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

.....ngày.....tháng...năm.....

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ
(LOGO CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ)

GIẤY CHỨNG NHẬN
Số chứng nhận:.....

Cấp cho
Ông/Bà:

Đơn
vị:

Đã hoàn thành chương trình:
TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Tổ chức tại:

Ngày:

..., ngày....tháng....năm ..
CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

--

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN/
TỔ CHỨC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC
CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM¹

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN NƯỚC NGOÀI TRONG NĂM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số lao động đã tuyển dụng	Loại hợp đồng lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
...				
...				

II. TÌNH HÌNH TUYỂN CHỌN, GIỚI THIỆU NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG
NĂM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số lượt ứng viên đã tuyển chọn, giới thiệu	Số ứng viên trúng tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
...				
...				

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số người lao động Việt Nam	Biến động trong kỳ báo cáo		Số người lao động Việt Nam đã được quản lý	Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động	
			Tăng	Giảm		Có gửi	Không gửi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
...							
...							

	Tổng số						
--	----------------	--	--	--	--	--	--

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nếu có)*

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC...
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI...
*NAME OF FOREIGN
 ORGANISATION/INDIVIDUAL*

*..., ngày (date)... tháng (month)... năm
 (year)...*

PHIẾU THÔNG TIN
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG¹
INFORMATION ON LABOUR LEASING ENTERPRISES

STT <i>No.</i>	Tên doanh nghiệp cho thuê lại lao động <i>Name of enterprise</i>	Địa chỉ, điện thoại liên hệ <i>Address, telephone</i>	Số lao động Việt Nam đang sử dụng thông qua doanh nghiệp <i>Number of Vietnamese employees supplied by the mentioned enterprise</i>	Thời gian sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động <i>Duration of supplied service</i>	Ghi chú <i>Note</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1					
2					
...					
...					
Tổng số <i>Total</i>					

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
FOR THE FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL
(signed and sealed)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo/ *The period for data cut-off for annual reports shall be counted from December 15 of the year preceding the reporting period to December 14 of the reporting period.*

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI....
NAME OF FOREIGN
ORGANISATION/INDIVIDUAL

..., ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...

PHIẾU THÔNG TIN
TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
 (Tính từ ngày ... tháng ... năm.... đến ngày ... tháng ... năm.....)¹
INFORMATION ON RECRUITMENT AND EMPLOYMENT OF VIETNAMESE EMPLOYEES

(from/.../..... to/...../.....)

I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG NĂM...
INFORMATION ON RECRUITMENT OF VIETNAMESE EMPLOYEES IN THE YEAR OF...

STT <i>No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>DOB</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	Vị trí việc làm <i>Position</i>	Thời điểm bắt đầu làm việc <i>Start date</i>	Thời điểm kết thúc làm việc <i>End date</i>	Loại hợp đồng lao động <i>Type of labour contract</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

**II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐANG LÀM VIỆC CHO... /LIST OF
VIETNAMESE EMPLOYEES WORKING FOR...**

STT <i>No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>DOB</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	Vị trí việc làm <i>Position</i>	Số điện thoại <i>Cell phone number</i>	Ghi chú <i>Note</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT/RECOMMENDATIONS

1. Với tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam/*To the authority*

2. Về người lao động Việt Nam/*About the Vietnamese employees*
3. Các vấn đề khác/*Others*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
FOR THE FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL
(signed and sealed)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo/ *The period for data cut-off for annual reports shall be counted from December 15 of the year preceding the reporting period to December 14 of the reporting period.*

Mẫu số 06

**TÊN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm.....

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM¹

Kính gửi:.....

I. TÌNH HÌNH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TRONG NĂM...

STT	Tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Vị trí	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

1						
2						
...						

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nếu có)*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Mẫu số 07

**TÊN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm...

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐƯỢC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THUÊ LẠI

Kính gửi:

STT	Tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Vị trí	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài sử	Ngày cho thuê lại lao động	Ghi chú
-----	-----------------------	---------------------------	----------------------------	--------	--	-------------------------------------	---------

					dụng lao động		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)